

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 101/2024/HNGĐ –ST

Ngày: 23 -8 - 2024

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thúy Liễu

2/ Bà Võ Thị Kim Sơn

- Thư ký Tòa án - Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024. Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, Về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 417/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L1 cầu được ly hôn với ông Trương Văn T1

Bà Nguyễn Thị L (nguyên đơn) có lời khai: Bà và ông Trương Văn T1 chung sống như vợ chồng vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T1 chung sống tại ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Sống đến năm 2010 thì ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chung sống không còn hạnh phúc. Trong quá trình chung sống bà và ông T1 có 02 con chung tên Trương Thị D 1996 và Trương Văn H năm 2002. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà và ông T1 không thiếu nợ ai cũng như không ai thiếu nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà xác định không còn yêu thương ông T1 nữa nên xin được ly

hôn với ông **Trương Văn T2** con chung: Đã trưởng thành, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên bà yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ án.

Ông **Trương Văn T3** có mặt theo thông báo, triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Nguyễn Thị L2** ông Trương Văn T1

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà **L3** không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Nguyễn Thị L4** yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông Trương Văn T1 là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ. Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị L2** ông Trương Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến khi Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý đơn khởi kiện về việc xin ly hôn thì bà **Nguyễn Thị L5** ông Trương Văn T1 không có đăng ký kết hôn nên nay bà L xin ly hôn không giải quyết cho ly hôn mà cần không công nhận quan hệ vợ chồng của Bà **Nguyễn Thị L2** ông Trương Văn T1 là đúng thực tế.

[3] Về con chung: Con chung của bà **L2** ông T1 đã trưởng thành, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Dành cho ông Trương Văn T1 một vụ kiện khác liên quan đến tài sản chung và nợ chung (nếu có).

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Cần buộc bà Nguyễn Thị L chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35,39, Khoản 4 Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L2 ông Trương Văn T1.

Về con chung: Con chung của bà L2 ông T1 đã trưởng thành, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L3 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Dành cho ông Trương Văn T4 vụ kiện khác liên quan đến tài sản chung và nợ chung (nếu có).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007706 ngày 14/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân địa phương đối với đương sự vắng mặt để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên